

Số: /KH-UBND

Định Hóa, ngày tháng 7 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình Chuyển đổi số huyện Định Hóa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Thực hiện Chương trình hành động số 07-CTr/HU ngày 12/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Định Hóa về việc thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. UBND huyện Định Hóa xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số huyện Định Hóa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn triển khai thực hiện Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động số 07-CTr/HU ngày 12/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Định Hóa về việc thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Huyện ủy để triển khai thực hiện bảo đảm kịp thời, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu thực tiễn tại địa phương.

- Việc triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi số phải tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Khai thác, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số ở cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Kịp thời biểu dương, khen thưởng những tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình chuyển đổi số.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

1.1. Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- Trên 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- Trên 80% tổng số hồ sơ công việc tại cấp huyện và trên 60% tổng số hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung.

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn huyện.

- Ứng dụng các phần mềm dùng chung để đạt trên 50% các hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Phân đầu đến hết năm 2021, có trên 80% các dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4.

1.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Phân đầu kinh tế số chiếm trên 20% GRDP.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.

- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 7%.

- Phân đầu có trên 10 doanh nghiệp số.

1.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% đơn vị hành chính cấp xã, trên 80% hộ gia đình.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

- Huyện Định Hóa là một trong những huyện đảm bảo về an toàn, an ninh mạng.

2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

2.1. Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- Trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với dịch vụ công trực tuyến của huyện.

- Trên 90% tổng số hồ sơ công việc tại cấp huyện và trên 70% tổng số hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- Hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật, kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Trên 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm trên 30% GRDP.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 8%.

- Phân đầu có trên 20 doanh nghiệp số.

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

A. Nhiệm vụ

Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu Nghị quyết số 01-NQ/TU, các cơ quan, đơn vị, địa phương cần tập trung nguồn lực triển khai nhiệm vụ ở 3 trụ cột chính: Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số.

1. Nhiệm vụ xây dựng Chính quyền số (13 nhiệm vụ)

1.1. Đào tạo phát triển nhân lực và nhận thức chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước - CQ1.

1.2. Phát triển CSHT và nền tảng dữ liệu chung - CQ2.

1.3. Triển khai thí điểm ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số - CQ3.

- 1.4. Số hóa hệ thống dịch vụ công - CQ4.
- 1.5. Xây dựng nền tảng chung làm cơ sở dữ liệu phục vụ Chính quyền số - CQ5.
- 1.6. Khai thác, sử dụng tài liệu công nghệ số vào hoạt động quản lý nhà nước - CQ6.
- 1.7. Xây dựng dữ liệu thống kê phân tích chuyên đổi số - CQ7.
- 1.8. Số hóa hoạt động và dữ liệu tư pháp - CQ8.
- 1.9. Số hóa hệ thống điều hành Văn phòng Huyện ủy khối Đảng - CQ9.
- 1.10. Xây dựng và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin ở các đơn vị cơ quan nhà nước - CQ10.
- 1.11. Nâng cấp hệ thống, cơ sở hạ tầng số quản lý tài nguyên môi trường - CQ11.
- 1.12. Xây dựng cơ chế và triển khai kế hoạch an toàn, an ninh mạng trong quản lý nhà nước - CQ12.
- 1.13. Đổi mới và kiến tạo cơ cấu, quản trị phù hợp với quá trình chuyển đổi số - CQ13.

2. Nhiệm vụ phát triển Kinh tế số (10 nhiệm vụ)

- 2.1. Xây dựng và đẩy mạnh môi trường thương mại điện tử trên địa bàn huyện - KT1.
- 2.2. Triển khai phổ cập thanh toán điện tử - KT2.
- 2.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp - KT3.
- 2.4. Phát triển, phổ cập công nghệ thông tin, số hóa cho doanh nghiệp khởi nghiệp - KT4.
- 2.5. Thúc đẩy sử dụng giải pháp số cho các doanh nghiệp trong huyện - KT5.
- 2.6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch - KT6.
- 2.7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp - KT7.
- 2.8. Đẩy mạnh phát triển sử dụng công cụ tài chính số - KT8.
- 2.9. Chính sách hỗ trợ phát triển bưu chính viễn thông - KT9.
- 2.10. Khuyến khích đổi mới mô hình kinh doanh trong nền kinh tế - KT10.

3. Nhiệm vụ phát triển Xã hội số (06 nhiệm vụ).

- 3.1. Thông tin, tuyên truyền, trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số - XH1.
- 3.2. Đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho người dân- XH2.

3.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục- XH3.

3.4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế - XH4.

3.5. Xây dựng môi trường số an toàn và tin cậy cho cộng đồng- XH5.

3.6. Đẩy nhanh phổ cập Internet và thiết bị điện tử trên toàn huyện, đặc biệt là các vùng còn khó khăn - XH6.

4. Nhiệm vụ xây dựng Hạ tầng đô thị thông minh (2 nhiệm vụ)

4.1. Xây dựng, triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin trong giao thông thông minh - HT1.

4.2. Kiểm soát ô nhiễm môi trường thông minh - HT2.

5. Một số lĩnh vực ưu tiên trong Chuyển đổi số

5.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế: XH4

5.2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục: XH3

5.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp: KT3

5.4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải: HT1

5.5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường: CQ11 và HT2.

5.6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch: KT6.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này).

B. Giải pháp

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện chuyển đổi số

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, trong quá trình triển khai, thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số; có cơ chế phân công, phối hợp thống nhất, rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Kế hoạch trong phạm vi quản lý; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, xác định rõ nội dung công việc, biện pháp thực hiện, phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân; tăng cường đôn đốc, kiểm tra; gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội

Chuyển đổi số không chỉ là công việc riêng của hệ thống chính quyền, mà là yêu cầu chung của toàn xã hội. Vì vậy, cần tăng cường công tác thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức, đặc biệt trên môi trường số về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến Chương trình chuyển đổi số để mọi cán bộ, công chức, viên chức và người dân nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận tự giác tham gia tham gia chuyển đổi số.

3. Ưu tiên nguồn lực tài chính và nhân lực cho chuyển đổi số

Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính, huy động và bố trí cán bộ, công chức, viên chức có năng lực chỉ đạo, nghiên cứu và tham mưu thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Phát triển hạ tầng số

- Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện có kế hoạch xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn huyện. Ưu tiên phát triển tại các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, các khu dân cư tập trung đông dân ...

- Chuyển đổi mạng Internet của huyện Định Hóa sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Dịch vụ trực tuyến của các cơ quan nhà nước, trang thông tin điện tử tổng hợp, giáo dục, y tế, thương mại điện tử sử dụng tên miền quốc gia (.vn).

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

5. Phát triển nền tảng số

Xác định danh sách các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, nội dung số, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, ngân hàng số và có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển các hệ thống này.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Xây dựng cơ chế hợp tác, đối thoại để giải quyết các vấn đề phát sinh; cơ chế hợp tác giữa các cơ quan nhà nước của huyện và các hội, hiệp hội nghề nghiệp và doanh nghiệp trong xây dựng và thực thi chính sách.

- Triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng và xác định, phát hiện các thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng để kịp thời xử lý, gỡ bỏ.

- Các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và nền tảng số phải phát triển các hệ thống nền tảng và mạng lưới hạ tầng gắn với đảm bảo an toàn, an ninh mạng, có khả năng tự sàng lọc, phát hiện tấn công và bảo vệ một cách chủ động.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp nhiệm vụ chi hiện hành và các nguồn hợp pháp khác.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hằng năm được cấp có thẩm quyền giao.

3. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ được phân công (*tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch*) bảo đảm đúng theo quy định hiện hành.

- Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ được phân công (*tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch*) và quy định của pháp luật hiện hành xác định những nội dung cần xây dựng đề án, dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số và dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Khuyến khích áp dụng hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với những dịch vụ, sản phẩm phục vụ chuyển đổi số.

- Định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch theo quy định.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Là cơ quan Thường trực triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì triển khai các nội dung, nền tảng dùng chung, tạo lập môi trường chuyển đổi số cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tham mưu UBND huyện các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch chuyển đổi số và chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

- Đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo UBND huyện theo quy định.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Tham mưu cho UBND huyện xem xét cân đối bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho hoạt động ứng dụng, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan đánh giá về chuyển đổi số vào các bộ chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI).

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị kịp thời phản ánh về UBND huyện (*qua Phòng Văn hóa và Thông tin*) để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở TT&TT;
- BTV Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- Chủ tịch Hội Doanh nghiệp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, VHTT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Tú

Phụ lục: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ
(Ban hành kèm Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND huyện Định Hóa)

STT	Mã nhiệm vụ/ hành động	Cơ quan chủ trì & Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Phòng Văn hóa và Thông tin			
	XH1	Thông tin, tuyên truyền, trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số		
1.1	XH1.1	Xây dựng thông tin, tin tức về chuyển đổi số	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2023
1.2	XH1.2	Tập huấn, trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số		
1.3	XH1.3	Tuyên truyền, hướng dẫn khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số trong quản lý nội bộ cơ quan quản lý nhà nước.		
	XH2	Đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho người dân		
1.4	XH2.1	Phối hợp tập huấn, phổ cập kỹ năng số cho người dân	UBND các xã, thị trấn	2021-2023
	XH5	Xây dựng môi trường số an toàn và tin cậy cho cộng đồng		
1.5	XH5.1	Cung cấp thông tin và kiến thức về an toàn trên môi trường số	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2022
1.6	XH5.2	Xây dựng cơ chế chính sách an toàn số cho cộng đồng		
	XH6	Đẩy nhanh phổ cập Internet và thiết bị điện tử trên toàn huyện, đặc biệt là các vùng còn khó khăn		

1.7	XH6.1	Cung cấp thiết bị truy cập mạng cho các vùng đặc biệt khó khăn	UBND các xã, thị trấn	2021-2025
1.8	XH6.2	Cung cấp thiết bị số giá rẻ để phổ cập chuyển đổi số đến toàn huyện		
	KT6	Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch		
1.9	KT6.1	Phát triển thông tin quảng bá du lịch huyện: Số hóa các điểm di tích trên địa bàn; xây dựng dữ liệu du lịch.	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2024
1.10	KT6.2	Nâng cấp hệ thống dịch vụ phục vụ du lịch		
	KT9	Chính sách hỗ trợ phát triển bưu chính viễn thông		
1.11	KT9.1	Xây dựng chính sách, cơ chế hỗ trợ phát triển viễn thông	Các doanh nghiệp viễn thông	2021-2024
1.12	KT9.2	Ứng dụng cơ chế hỗ trợ tối ưu hóa cơ sở hạ tầng viễn thông		
	CQ1	Đào tạo phát triển nhân lực và nhận thức chuyển đổi số trong CQNN		
1.13	CQ1.1	Xác định nền tảng phát triển nhân lực phục vụ chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	Thường niên
1.14	CQ1.2	Phối hợp tập huấn, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số		Thường niên
	CQ2	Phát triển CSHT và nền tảng dữ liệu chung của huyện		
1.15	CQ2.1	Xây dựng hệ thống Hội nghị trực tuyến cấp huyện và cấp xã	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2023
1.16	CQ2.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn hóa (thiết chế văn hóa, thể thao, các danh hiệu văn hóa hàng năm)		

	CQ4	Số hóa hệ thống dịch vụ công		
1.17	CQ4.1	Thử nghiệm triển khai hiệu quả dịch vụ mới	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021 - 2025
1.18	CQ4.2	Tiếp tục triển khai số hóa kết quả thủ tục hành chính có hiệu lực		
1.19	CQ4.3	Tiếp tục điều hành Cổng, trang thông tin điện tử huyện		
	CQ5	Xây dựng nền tảng chung làm cơ sở dữ liệu phục vụ Chính quyền số		
1.20	CQ5.1	Xây dựng triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin - truyền thông	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2025
	CQ6	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số vào hoạt động quản lý nhà nước		
1.21	CQ6.1	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số trong quản lý nội bộ cơ quan quản lý nhà nước	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021 - 2023
1.22	CQ6.2	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số trong quản lý tổng thể huyện		
	CQ10	Xây dựng và nâng cấp hệ thống CNTT ở các cơ quan nhà nước		
1.23	CQ10.1	Khuyến khích truyền thông minh bạch về quá trình chuyển đổi số	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2023
1.24	CQ10.2	Xây dựng hạ tầng nền tảng chuyển đổi số		
	CQ12	Xây dựng cơ chế và triển khai kế hoạch an toàn, an ninh mạng trong quản lý nhà nước		
1.25	CQ12.1	Phối hợp xây dựng quy chế, chính sách an toàn an ninh mạng	Các cơ quan, ban, ngành của huyện;	2021-2025

1.26	CQ12.2	Phối hợp tập huấn nâng cao kỹ năng an toàn an ninh mạng	UBND các xã, thị trấn	
1.27	CQ12.3	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nền tảng bảo đảm an toàn an ninh mạng		Thường xuyên, bắt đầu từ 2022
2	Văn phòng HĐND&UBND			
	CQ2	Phát triển CSHT và nền tảng dữ liệu chung của huyện		
2.1	CQ2.1	Xây dựng hệ thống mạng LAN UBND huyện, nâng cấp đường truyền số liệu dùng chung	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2023
	CQ4	Số hóa hệ thống dịch vụ công		
2.2	CQ4.1	Số hóa hồ sơ các thủ tục hành chính		2021-2025
	CQ6	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số vào hoạt động quản lý nhà nước		
2.3	CQ6.1	Ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo điều hành của TT HĐND huyện, lãnh đạo UBND huyện	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2025
2.4	CQ6.2	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo, gửi nhân văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số trên hệ thống Quản lý văn bản		
	CQ10	Xây dựng và nâng cấp hệ thống CNTT ở các cơ quan nhà nước		
2.6	CQ10.1	Xây dựng phòng họp không giấy tờ		2022-2024
2.7	CQ10.2	Nâng cấp hạ tầng CNTT tại cơ quan văn phòng		
2.8	CQ10.3	Nâng cấp phần mềm một cửa tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện và các xã, thị trấn		
	CQ12	Xây dựng cơ chế và triển khai kế hoạch an toàn, an ninh mạng trong quản lý Nhà nước		

2.9	CQ12.1	Triển khai các giải pháp an toàn thông tin, an ninh mạng.	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2025
3	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông			
	XH1	Thông tin, tuyên truyền, trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số		
3.1	XH1.1	Tuyên truyền, thông tin, tin tức về chuyển đổi số	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2022
	CQ1	Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực		
3.3	CQ1.1	Phối hợp, tham gia tập huấn phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số cho đội ngũ kỹ thuật viên huyện, xã	UBND các xã, thị trấn	2021-2022
	CQ 10	Xây dựng và nâng cấp hệ thống CNTT ở các cơ quan nhà nước		
3.4	CQ10.1	Đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất chương trình phát thanh số đồng bộ với thiết bị sản xuất chương trình của Đài PT-TH tỉnh	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2022-2025
3.5	CQ10.2	Chuyển đổi hệ thống phát thanh thông minh trên nền tảng internet, mạng di động.		
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo			
	XH1	Thông tin, tuyên truyền, trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số		
4.1	XH2.1	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận tự giác tham gia chuyển đổi số trong ngành giáo dục.	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021- sau 2025
4.2	XH2.2	Triển khai giáo dục tích hợp với kiến thức công nghệ số		
	XH2	Đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho người dân		

4.3	XH2.1	Xây dựng môi trường đào tạo kỹ năng số	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2025
4.4	XH2.2	Phổ cập ứng dụng kỹ năng số trong cộng đồng (có thể thực hiện theo ngành dọc)		
	XH3	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục		
4.5	XH3.1	Xây dựng và áp dụng ứng dụng số trong giáo dục: sổ điểm điện tử, sổ liên lạc điện tử, dạy học trực tuyến, thu học phí không dùng tiền mặt...	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2025
4.6	XH3.2	Tham gia tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng cần thiết về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục.		
	CQ 10	Xây dựng và nâng cấp hệ thống CNTT ở các cơ quan nhà nước		
4.7	CQ10.1	Bổ sung hạ tầng CNTT, cơ sở vật chất, thiết bị tin học tại các trường học.	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2025
4.8	CQ10.2	Quy hoạch mạng LAN, đường truyền Internet phù hợp với mục đích sử dụng		
5	Phòng Nội vụ huyện			
	CQ1	Đào tạo phát triển nhân lực và nhận thức chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước		
5.1	CQ1.1	Xác định nền tảng phát triển nhân lực phục vụ chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	Thường niên
5.2	CQ1.2	Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số		
6	Phòng NN&PTNT huyện			
	KT3	Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp		

6.1	KT3.1	1. Xây dựng phần mềm hệ thống cơ sở dữ liệu OCOP (như: Website, phần mềm OCOP, bản đồ trên Website, ứng dụng trên di động, truy xuất nguồn gốc, ...).	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2024
6.2	KT3.2	2. Ứng dụng công nghệ bán tự động trong sản xuất nông nghiệp.		
7	Thanh tra huyện			
	CQ5	Xây dựng nền tảng chung làm cơ sở dữ liệu phục vụ Chính quyền số		
7.1	CQ5.1	Xây dựng triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý nội bộ cơ quan nhà nước	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021- sau 2025
7.2	CQ5.2	Xây dựng kế hoạch thanh tra; Theo dõi thực hiện kết quả thanh tra		
7.3	CQ5.3	Cơ sở giữ liệu báo cáo về khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng		
8	Phòng Tư pháp, Tòa án huyện, Viện Kiểm sát huyện			
	CQ8	Số hóa hoạt động và dữ liệu tư pháp		
8.1	CQ8.1	Số hóa và áp dụng CNTT cho quản lý thông tin công	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2023
8.2	CQ8.2	Số hóa và xây dựng, cập nhật mới hệ thống dịch vụ công ngành tư pháp; Số hóa và áp dụng phần mềm đấu giá tài sản trực tuyến		
8.3	CQ8.3	Tổ chức, triển khai phiên tòa số, số hóa hồ sơ dự án và công bố chứng cứ hình ảnh		

9	Phòng Tài nguyên - môi trường			
	CQ11	Nâng cấp hệ thống, cơ sở hạ tầng số quản lý tài nguyên môi trường		
9.1	CQ11.1	Quản lý, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên - môi trường	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021- sau 2025
9.2	CQ11.2	Nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý tài nguyên - môi trường; Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin tài nguyên - môi trường		
	HT2	Kiểm soát ô nhiễm môi trường thông minh		
9.3	HT2.1	Kiểm soát, quản lý tình hình hiện tại	Các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn	2021- sau 2025
	HT2.2	Ứng dụng CNTT vào quản lý môi trường tương lai		
10	Phòng Tài chính - Kế hoạch			
	KT4	Phát triển, phổ cập CNTT, số hóa cho doanh nghiệp khởi nghiệp		
10.1	KT4.1	Hỗ trợ về kiến thức và quy trình	Các cơ quan liên quan	2021-2025
10.2	KT4.2	Hỗ trợ về kinh phí và nguồn vốn		
	KT9	Đẩy mạnh phát triển sử dụng công cụ tài chính số		
10.3	KT9.1	Triển khai sử dụng hệ thống quản lý số trong ngành Tài chính, ngân hàng	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2022- sau 2025
11	Ngân hàng NN&PTNT, Chi nhánh huyện Định Hóa; Ngân hàng Chính sách xã hội huyện			

	KT2	Xây dựng phổ cập thanh toán điện tử		
11.1	KT2.1	Xây dựng kế hoạch thúc đẩy thanh toán điện tử	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021
11.2	KT2.2	Hoạt động triển khai đẩy mạnh thanh toán điện tử		2021-2023
	KT8	Đẩy mạnh phát triển sử dụng công cụ tài chính số		
11.3	KT8.1	Đẩy mạnh ứng dụng online banking	Các doanh nghiệp trong huyện	2021-2022
11.4	KT8.2	Thí điểm, triển khai sử dụng mobile money	Các doanh nghiệp viễn thông (Viettel, VNPT)	2021-2023
12	Phòng Kinh tế và Hạ tầng			
	KT1	Xây dựng và đẩy mạnh môi trường TMĐT trên địa bàn huyện		
12.1	KT1.1	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng và nền tảng thương mại điện tử	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2023
12.2	KT1.2	Tuyên truyền và phổ cập ứng dụng thương mại điện tử		
	KT5	Thúc đẩy sử dụng giải pháp số cho các doanh nghiệp trong huyện, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ		
12.3	KT5.1	Cung cấp, hỗ trợ giải pháp số cho doanh nghiệp	Các cơ quan liên quan, doanh nghiệp	2021-2025
12.4	KT5.2	Khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp kiến tạo và sử dụng giải pháp số	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn; các doanh nghiệp	

	KT7	Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp		
12.5	KT7.1	Phổ cập thông tin chuyển đổi số	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2023-2024
12.6	KT7.2	Phát triển nền tảng số trong sản xuất công nghiệp		
	KT10	Khuyến khích đổi mới mô hình kinh doanh trong nền kinh tế		
12.7	KT10.1	Tuyên truyền và cập nhật xu hướng mô hình kinh doanh số mới	Phòng Văn hóa và Thông tin, các cơ quan liên quan	2022-2023
12.8	KT10.2	Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi mô hình kinh doanh		
	CQ5	Xây dựng nền tảng chung làm cơ sở dữ liệu phục vụ Chính quyền số		
12.9	CQ5.1	Xây dựng triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu xây dựng, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu Quản lý xây dựng	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2022- sau 2025
	HT1	Xây dựng, triển khai, ứng dụng CNTT trong giao thông thông minh		
12.10	HT1.1	Ứng dụng triển khai giao thông thông minh	Các cơ quan liên quan, doanh nghiệp	2023- sau 2025
13	Bệnh viện Đa khoa huyện Định Hóa			
	XH4	Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế		
13.1	XH4.1	Nâng cấp hạ tầng và xây dựng nền tảng số trong y tế	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2023
13.2	XH4.2	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động y tế		2022 đến sau

				2025
14	Phòng Y tế, Trung tâm y tế			
	XH4	Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế		
14.1	XH4.1	Nâng cấp hạ tầng và xây dựng nền tảng số trong y tế	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021- sau 2025
14.2	XH4.2	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động y tế		
15	Phòng dân tộc			
	CQ5	Xây dựng nền tảng chung làm cơ sở dữ liệu phục vụ Chính quyền số		
15.1	CQ5.1	Xây dựng triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý công tác dân tộc	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2022
16	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội			
	CQ5	Xây dựng nền tảng chung làm cơ sở dữ liệu phục vụ Chính quyền số		
16.1	CQ5.1	Xây dựng triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý lao động và quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2022
17	Chi Cục thống kê huyện			
	CQ7	Xây dựng dữ liệu thống kê phân tích chuyển đổi số		

17.1	CQ7.1	Số hóa và tối ưu hóa dữ liệu hiện tại	Các cơ quan liên quan	2021 - 2022
17.2	CQ7.2	Triển khai giải pháp thống kê chuyên ngành về tình hình kinh tế - xã hội địa phương trên môi trường số		Thường niên, bắt đầu từ năm 2021 đến 2025
18	Văn phòng Huyện ủy			
	CQ9	Số hóa hệ thống điều hành các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy		
18.1	CQ9.1	Xây dựng Kiến trúc và nền tảng điều hành các cơ quan Đảng	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2023
18.2	CQ9.2	Số hóa và nâng cấp hệ thống CNTT hiện tại		
19	Công an huyện Định Hóa			
	CQ12	Xây dựng cơ chế và triển khai kế hoạch an toàn, an ninh mạng trong quản lý nhà nước		
19.1	CQ12.1	Xây dựng quy chế, chính sách an toàn an ninh mạng	Các cơ quan, ban, ngành của huyện; UBND các xã, thị trấn	2021-2022
20	Bưu điện huyện Định Hóa			
	KT9	Chính sách hỗ trợ phát triển bưu chính viễn thông		
20.1	KT9.1	Triển khai ứng dụng mã bưu chính Vpostcode trên địa bàn huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin; Các cơ quan liên quan	2021-2024
21	Các cơ quan, ban, ngành liên quan thực hiện chuyển đổi số			

	CQ13	Đổi mới và kiến tạo cơ cấu, quản trị phù hợp với quá trình chuyển đổi số		
21.1	CQ13.1	Thành lập Tổ công tác chuyển đổi số		2021-2025
21.2	CQ13.2	Bổ sung, thay đổi cơ chế chính sách phù hợp với môi trường số		